

Số: 3435/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 10 tháng 11 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền  
giải quyết của Sở Giao thông vận tải**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 2458/TTr-SGTVT-P1 ngày 07/11/2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 06 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải. Chi tiết, có Phụ lục đính kèm.

**Điều 2. Trách nhiệm thực hiện**

1. Giám đốc Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm công khai tại bộ phận một cửa của đơn vị và tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định.

2. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm cập nhật công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và chuyên trang cải cách thủ tục hành chính của UBND tỉnh đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *gdt*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP;
- Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT. KSTTHC



Nguyễn Dương Thái

**PHỤ LỤC:**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN  
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**  
(Kèm theo Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 10/11/2017  
của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương)



**Phần I**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	GHI CHÚ
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ</b>	
1	Thủ tục thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh.	
2	Thủ tục thẩm định Báo cáo kinh tế-kỹ thuật/Báo cáo kinh tế-kỹ thuật điều chỉnh.	
3	Thủ tục thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh.	
<b>II</b>	<b>LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA</b>	
1	Thủ tục đăng ký thực hiện dự án đầu tư nạo vét theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước trên các tuyến đường thủy nội địa địa phương.	
2	Thủ tục thẩm định hồ sơ đề xuất thực hiện dự án đầu tư nạo vét theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước trên các tuyến đường thủy nội địa địa phương.	
3	Thủ tục chấp thuận đơn vị tư vấn giám sát dự án thực hiện đầu tư nạo vét theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước trên các tuyến đường thủy nội địa địa phương.	

**Phần II**  
**NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**



**I. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ**

**1. Thủ tục thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh.**

a) Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ gốc đến Sở Giao thông vận tải để thực hiện thẩm định.

- Sở Giao thông vận tải sau khi xem xét hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ và tổ chức thẩm định theo đúng thời hạn quy định.

+ Đối với các hồ sơ trình thẩm định không đảm bảo điều kiện thẩm định theo quy định tại Khoản 4, Điều 7, Thông tư 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 (không đúng thẩm quyền thẩm định, không thuộc đối tượng thẩm định, không đảm bảo tính pháp lý), Sở Giao thông vận tải từ chối tiếp nhận (trường hợp gửi trực tiếp) hoặc trong 5 ngày làm việc có văn bản gửi chủ đầu tư nêu lý do từ chối thực hiện thẩm định (trường hợp gửi qua đường bưu điện).

+ Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, Sở GTVT có trách nhiệm xem xét, gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ trình thẩm định đến chủ đầu tư (nếu cần), việc yêu cầu bổ sung hồ sơ chỉ được yêu cầu một (01) lần trong quá trình thẩm định. Trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Sở GTVT, nếu chủ đầu tư không thực hiện việc bổ sung hồ sơ thì Sở GTVT dừng việc thẩm định, chủ đầu tư trình thẩm định lại khi có yêu cầu.

+ Trường hợp Sở Giao thông vận tải yêu cầu chủ đầu tư lựa chọn trực tiếp đơn vị thẩm tra (theo quy định tại Điểm b Khoản 7 Điều 10, Điều 11 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Điều 10 Thông tư 18/2016/TT-BXD) trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nộp hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải có văn bản thông báo cho chủ đầu tư các nội dung cần thẩm tra để chủ đầu tư lựa chọn và ký kết hợp đồng với tư vấn thẩm tra. Thời gian thực hiện thẩm tra không vượt quá 15 (mười lăm) ngày đối với dự án nhóm B và 10 (mười) ngày đối với dự án nhóm C. Mẫu báo cáo kết quả thẩm tra theo mẫu 2 Phụ lục I Thông tư 18/2016/TT-BXD. Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi kết quả thẩm tra cho Sở Giao thông vận tải, người quyết định đầu tư để làm cơ sở thẩm định. Trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện thẩm tra thì chủ đầu tư phải có văn bản thông báo đến Sở Giao thông vận tải để giải trình lý do và đề xuất gia hạn thời gian thực hiện.

+ Đối với dự án có tác động đến các lĩnh vực liên quan: Trường hợp cần thiết, trong thời gian 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm gửi văn bản kèm theo trích lục hồ sơ có liên quan (Sở Giao thông vận tải đồng thời gửi văn bản đến chủ đầu tư biết để bổ sung hồ sơ đối với những nội dung xin ý kiến) đến các cơ quan, tổ chức theo

quy định tại Khoản 6 Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP để lấy ý kiến về nội dung liên quan đến dự án. Thời hạn có văn bản trả lời của cơ quan, tổ chức có liên quan đến dự án 15 (mười lăm) ngày đối với dự án nhóm B và 10 (mười) ngày đối với dự án nhóm C. Nếu quá thời hạn, các cơ quan, tổ chức liên quan không có văn bản trả lời thì được xem như đã chấp thuận về nội dung xin ý kiến về thiết kế cơ sở và chịu trách nhiệm về lĩnh vực quản lý của mình.

- Nội dung thẩm định theo quy định tại Điều 58 của Luật Xây dựng và Điều 6 Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Trong quá trình thẩm định, Sở Giao thông vận tải thực hiện các nội dung Khoản 4, Điều 8, Thông tư 18/2016/TT-BXD, cụ thể:

+ Yêu cầu cơ quan, tổ chức có liên quan cung cấp các thông tin tài liệu, số liệu cần thiết để phục vụ công tác thẩm định;

+ Mời tổ chức, cá nhân có chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm phù hợp tham gia thực hiện thẩm định;

+ Yêu cầu chủ đầu tư giải trình, làm rõ các nội dung liên quan đến thẩm định khi cần thiết;

+ Tạm dừng thẩm định và thông báo kịp thời đến người đề nghị thẩm định các lỗi, sai sót về phương pháp tính toán, tải trọng, mô tả bản vẽ, sơ đồ... trong nội dung hồ sơ dẫn đến không thể đưa ra kết luận thẩm định. Trường hợp các lỗi, sai sót nêu trên không thể khắc phục được trong thời hạn hai mươi (20) ngày thì cơ quan thẩm định dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu.

- Khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 6 Thông tư 18/2016/TT-BXD, Sở Giao thông vận tải thực hiện thẩm định và thông báo kết quả thẩm định.

- Thời gian và địa điểm tiếp nhận hồ sơ:

+ Thời gian: Theo giờ hành chính.

+ Địa điểm: Sở Giao thông vận tải, số 79 đường Bạch Đằng phường Trần Phú thành phố Hải Dương tỉnh Hải Dương

+ Điện thoại liên hệ: 0220.3852590.

b) Cách thức thực hiện thủ tục hành chính: Nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc gửi qua đường bưu chính.

c) Thành phần, số lượng bộ hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Tờ trình thẩm định và danh mục hồ sơ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP gồm:

+ Văn bản pháp lý;

+ Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư (dự toán);

+ Hồ sơ năng lực của các nhà thầu khảo sát, thiết kế;

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Thời gian thẩm định được tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, như sau:

- Đối với thẩm định dự án:

+ Không quá 30 ngày đối với dự án nhóm B;

+ Không quá 20 ngày đối với dự án nhóm C.

- Đối với thẩm định thiết kế cơ sở:

+ Không quá 20 ngày đối với dự án nhóm B;

+ Không quá 15 ngày đối với dự án nhóm C.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan, đơn vị phối hợp: Các Sở liên quan công tác thẩm định dự án: Sở Xây dựng, Tài chính, Công thương... và UBND cấp huyện có dự án đi qua (nếu cần).

g) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thông báo kết quả thẩm định dự án đầu tư xây dựng, kết quả thẩm định thiết kế cơ sở.

h) Phí và lệ phí: Phí thẩm định dự án bằng Giá trị tổng mức đầu tư được phê duyệt nhân với mức thu (mức thu tính theo tỷ lệ % được quy định tại Thông tư 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở) nhưng tối đa không quá 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng/dự án.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Mẫu 01, Phụ lục II: Tờ trình thẩm định và danh mục hồ sơ trình thẩm định.... ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý để giải quyết thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 sửa đổi một số điều Nghị định 59/2015/NĐ-CP.

- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

- Thông tư 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở;

- Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của UBND tỉnh Hải Dương ban hành Quy định phân cấp quản lý quy hoạch xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng, quản lý hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Mẫu số 01, Nghị định 59/2015/NĐ-CP

TÊN TỔ CHỨC

-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

Số: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**TỜ TRÌNH**

**Thẩm định dự án đầu tư xây dựng hoặc thiết kế cơ sở**

Kính gửi: (Cơ quan chủ trì thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN (CÔNG TRÌNH)**

1. Tên dự án:
2. Nhóm dự án:
3. Loại và cấp công trình:
4. Người quyết định đầu tư:
5. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):

6. Địa điểm xây dựng:

7. Giá trị tổng mức đầu tư:

8. Nguồn vốn đầu tư:

9. Thời gian thực hiện:

10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:

12. Các thông tin khác (nếu có):

**II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO**

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công) hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án sử dụng vốn khác);

- Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển hoặc tuyển chọn theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có);

- Quyết định lựa chọn nhà thầu lập dự án;

- Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 (quy hoạch 1/2000 đối với khu công nghiệp quy mô trên 20 ha) được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc giấy phép quy hoạch của dự án;

- Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

- Văn bản thỏa thuận độ cao tĩnh không (nếu có);

- Các văn bản thông tin, số liệu về hạ tầng kỹ thuật đô thị;

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư (dự toán):

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;

- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư hoặc dự toán);

- Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập dự án, thiết kế cơ sở;

- Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung nêu trên./.

### **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu.

**Tên người đại diện**



## **2. Thủ tục thẩm định Báo cáo kinh tế-kỹ thuật/Báo cáo kinh tế-kỹ thuật điều chỉnh**

a) Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ gốc đến Sở Giao thông vận tải để thực hiện thẩm định.

- Sở Giao thông vận tải sau khi xem xét hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ và tổ chức thẩm định theo đúng thời hạn quy định.

+ Đối với các hồ sơ trình thẩm định không đảm bảo điều kiện thẩm định theo quy định tại Khoản 4, Điều 7, Thông tư 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 (không đúng thẩm quyền thẩm định, không thuộc đối tượng thẩm định, không đảm bảo tính pháp lý), Sở Giao thông vận tải từ chối tiếp nhận (trường hợp gửi trực tiếp) hoặc trong 5 ngày làm việc có văn bản gửi chủ đầu tư nêu lý do từ chối thực hiện thẩm định (trường hợp gửi qua đường bưu điện).

+ Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, Sở GTVT có trách nhiệm xem xét, gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ trình thẩm định đến chủ đầu tư (nếu cần), việc yêu cầu bổ sung hồ sơ chỉ được yêu cầu một (01) lần trong quá trình thẩm định. Trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Sở GTVT, nếu chủ đầu tư không thực hiện việc bổ sung hồ sơ thì Sở GTVT dừng việc thẩm định, chủ đầu tư trình thẩm định lại khi có yêu cầu.

+ Trường hợp Sở Giao thông vận tải yêu cầu chủ đầu tư lựa chọn trực tiếp đơn vị thẩm tra (theo quy định tại Điểm b Khoản 7 Điều 10, Điều 11 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Điều 10 Thông tư 18/2016/TT-BXD) trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nộp hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải có văn bản thông báo cho chủ đầu tư các nội dung cần thẩm tra để chủ đầu tư lựa chọn và ký kết hợp đồng với tư vấn thẩm tra. Thời gian thực hiện thẩm tra không vượt quá 10 (mười) ngày. Mẫu báo cáo kết quả thẩm tra theo mẫu 2 Phụ lục I Thông tư 18/2016/TT-BXD. Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi kết quả thẩm tra cho Sở Giao thông vận tải, người quyết định đầu tư để làm cơ sở thẩm định. Trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện thẩm tra thì chủ đầu tư phải có văn bản thông báo đến Sở Giao thông vận tải để giải trình lý do và đề xuất gia hạn thời gian thực hiện.

+ Đối với dự án có tác động đến các lĩnh vực liên quan: Trường hợp cần thiết, trong thời gian 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm gửi văn bản kèm theo trích lục hồ sơ có liên quan (Sở Giao thông vận tải đồng thời gửi văn bản đến chủ đầu tư biết để bổ sung hồ sơ đối với những nội dung xin ý kiến) đến các cơ quan, tổ chức theo quy định tại Khoản 6 Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP để lấy ý kiến về nội dung liên quan đến dự án. Thời hạn có văn bản trả lời của cơ quan, tổ chức có liên quan đến dự án là 10 (mười) ngày. Nếu quá thời hạn, các cơ quan, tổ chức liên quan không có văn bản trả lời thì được xem như đã chấp thuận về nội dung xin ý kiến về thiết kế cơ sở và chịu trách nhiệm về lĩnh vực quản lý của mình.

- Nội dung thẩm định theo quy định tại Điều 58 của Luật Xây dựng và Điều 6 Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Trong quá trình thẩm định, Sở Giao thông vận tải thực hiện các nội dung Khoản 4, Điều 8, Thông tư 18/2016/TT-BXD, cụ thể:

+ Yêu cầu cơ quan, tổ chức có liên quan cung cấp các thông tin tài liệu, số liệu cần thiết để phục vụ công tác thẩm định;

+ Mời tổ chức, cá nhân có chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm phù hợp tham gia thực hiện thẩm định;

+ Yêu cầu chủ đầu tư giải trình, làm rõ các nội dung liên quan đến thẩm định khi cần thiết;

+ Tạm dừng thẩm định và thông báo kịp thời đến người đề nghị thẩm định các lỗi, sai sót về phương pháp tính toán, tải trọng, mô tả bản vẽ, sơ đồ... trong nội dung hồ sơ dẫn đến không thể đưa ra kết luận thẩm định. Trường hợp các lỗi, sai sót nêu trên không thể khắc phục được trong thời hạn hai mươi (20) ngày thì cơ quan thẩm định dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu.

- Khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 6 Thông tư 18/2016/TT-BXD, Sở Giao thông vận tải thực hiện thẩm định và thông báo kết quả thẩm định.

- Thời gian và địa điểm tiếp nhận hồ sơ:

+ Thời gian: Theo giờ hành chính

+ Địa điểm: Sở Giao thông vận tải, số 79 đường Bạch Đằng phường Trần Phú thành phố Hải Dương tỉnh Hải Dương

+ Điện thoại liên hệ: 0220.382590.

b) Cách thức thực hiện thủ tục hành chính: Nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc gửi qua đường bưu chính.

c) Thành phần, số lượng bộ hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Tờ trình thẩm định và danh mục hồ sơ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP gồm:

+ Văn bản pháp lý;

+ Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư (dự toán);

+ Hồ sơ năng lực của các nhà thầu khảo sát, thiết kế;

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Không quá 20 ngày tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan, đơn vị phối hợp: Các Sở liên quan công tác thẩm định dự án: Sở Xây dựng, Tài chính, Công thương... và UBND cấp huyện có dự án đi qua (nếu cần).

g) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế-kỹ thuật/Báo cáo kinh tế-kỹ thuật điều chỉnh.

h) Phí và lệ phí: Phí thẩm định dự án bằng giá trị tổng mức đầu tư được phê duyệt nhân với mức thu (mức thu tính theo tỷ lệ % được quy định tại Thông tư 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Tờ trình thẩm định Báo cáo kinh tế-kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 59/2015/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý để giải quyết thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 sửa đổi một số điều Nghị định 59/2015/NĐ-CP;

- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

- Thông tư 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở;

- Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của UBND tỉnh Hải Dương ban hành Quy định phân cấp quản lý quy hoạch xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng, quản lý hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

**Mẫu số 04, Nghị định 59/2015/NĐ-CP**

**TÊN TỔ CHỨC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

-----

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm ....

**TỜ TRÌNH**

**Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng**

Kính gửi: (Cơ quan thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

(Tên chủ đầu tư) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế (thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công) và dự toán xây dựng công trình

**I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH**

1. Tên công trình:
2. Loại, cấp, quy mô công trình:
3. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ,...):
4. Địa điểm xây dựng:
5. Giá trị dự toán xây dựng công trình:
6. Nguồn vốn đầu tư:
7. Nhà thầu lập thiết kế và dự toán xây dựng:
8. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
9. Các thông tin khác có liên quan:

**II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM**

1. Văn bản pháp lý:
  - Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công);
  - Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có);
  - Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
  - Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư;
  - Và các văn bản khác có liên quan.
2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:
  - Hồ sơ khảo sát xây dựng;

- Hồ sơ thiết kế thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;
- Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;

- Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có);

- Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế (bản sao có chứng thực);

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình.... với các nội dung nêu trên./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu:

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**Tên người đại diện**

### **3. Thủ tục thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh.**

#### **a) Trình tự thực hiện:**

- Chủ đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ gốc Thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (với công trình thực hiện thiết kế 3 bước), hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (với công trình thực hiện thiết kế 2 bước) theo đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp đến Sở Giao thông vận tải.

- Sở Giao thông vận tải sau khi xem xét hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ và tổ chức thẩm định theo đúng thời hạn quy định.

+ Đối với các hồ sơ trình thẩm định không đảm bảo điều kiện thẩm định theo quy định tại Khoản 4, Điều 7, Thông tư 18/2016/TT-BXD (không đúng thẩm quyền thẩm định, không thuộc đối tượng thẩm định, không đảm bảo tính pháp lý), Sở Giao thông vận tải từ chối tiếp nhận (trường hợp gửi trực tiếp) hoặc trong 5 ngày làm việc có văn bản gửi chủ đầu tư nêu lý do từ chối thực hiện thẩm định (trường hợp gửi qua đường bưu điện).

+ Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, Sở GTVT có trách nhiệm xem xét, gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ trình thẩm định đến chủ đầu tư (nếu cần), việc yêu cầu bổ sung hồ sơ chỉ được yêu cầu một (01) lần trong quá trình thẩm định. Trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Sở GTVT, nếu chủ đầu tư không thực hiện việc bổ sung hồ sơ thì Sở GTVT dừng việc thẩm định, chủ đầu tư trình thẩm định lại khi có yêu cầu.

+ Trường hợp Sở Giao thông vận tải yêu cầu chủ đầu tư lựa chọn trực tiếp tổ chức, cá nhân có năng lực để chủ đầu tư ký kết hợp đồng thẩm tra phục vụ thẩm định (theo quy định tại Khoản 2 Điều 30 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Điều 10 Thông tư 18/2016/TT-BXD) trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nộp hồ sơ hợp lệ. Sở Giao thông vận tải có văn bản thông báo cho chủ đầu tư các nội dung cần thẩm tra để chủ đầu tư lựa chọn và ký kết hợp đồng với tư vấn thẩm tra. Thời gian thực hiện thẩm tra không vượt quá 15 (mười lăm) ngày đối với công trình cấp II và cấp III; 10 (mười) ngày đối với các công trình còn lại. Mẫu báo cáo kết quả thẩm tra theo mẫu 2 Phụ lục I Thông tư 18/2016/TT-BXD. Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi kết quả thẩm tra cho Sở GTVT, người quyết định đầu tư để làm cơ sở thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng. Trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện thẩm tra thì chủ đầu tư phải có văn bản thông báo đến Sở GTVT để giải trình lý do và đề xuất gia hạn thời gian thực hiện.

+ Đối với công trình theo quy định phải thẩm định về môi trường, phòng chống cháy nổ và nội dung khác theo quy định của pháp luật: Trong thời gian 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án, Sở GTVT có trách nhiệm gửi văn bản kèm theo trích lục hồ sơ có liên quan (Sở GTVT đồng thời gửi văn bản đến chủ đầu tư biết để bổ sung hồ sơ đối với những nội dung xin ý kiến) đến các cơ quan, tổ chức theo quy định tại Khoản 3 Điều 30 Nghị định 59/2015/NĐ-CP để lấy ý kiến về nội dung liên quan đến dự án. Thời hạn có văn bản trả lời của cơ quan, tổ chức là thời gian thẩm định theo quy định của pháp luật chuyên

ngành nhưng không vượt quá thời gian thẩm tra thiết kế dự toán (quy định Khoản 4 Điều 30 Nghị định 59/2015/NĐ-CP), cụ thể: Không vượt quá 15 (mười lăm) ngày đối với công trình cấp II và cấp III; 10 (mười) ngày đối với các công trình còn lại. Nếu quá thời hạn, các cơ quan, tổ chức liên quan không có văn bản trả lời thì được xem như đã chấp thuận về nội dung xin ý kiến về thiết kế cơ sở và chịu trách nhiệm về lĩnh vực quản lý của mình.

+ Nội dung thẩm định theo quy định tại Điều 83 của Luật Xây dựng và Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Trong quá trình thẩm định, Sở GTVT thực hiện các nội dung Khoản 4, Điều 8, Thông tư 18/2016/TT-BXD, cụ thể:

+ Yêu cầu cơ quan, tổ chức có liên quan cung cấp các thông tin tài liệu, số liệu cần thiết để phục vụ công tác thẩm định;

+ Mời tổ chức, cá nhân có chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm phù hợp tham gia thực hiện thẩm định từng phần thiết kế xây dựng, dự toán xây dựng;

+ Yêu cầu chủ đầu tư giải trình, làm rõ các nội dung liên quan đến thẩm định khi cần thiết;

+ Tạm dừng thẩm định và thông báo kịp thời đến người đề nghị thẩm định các lỗi, sai sót về phương pháp tính toán, tải trọng, mô tả bản vẽ, sơ đồ... trong nội dung hồ sơ dẫn đến không thể đưa ra kết luận thẩm định. Trường hợp các lỗi, sai sót nêu trên không thể khắc phục được trong thời hạn hai mươi (20) ngày thì cơ quan thẩm định dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu.

- Khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 29 Nghị định 59/2015/NĐ-CP, Sở GTVT thực hiện thẩm định và thông báo kết quả thẩm định. Kết quả thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng theo mẫu số 07, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 59/2015/NĐ-CP.

- Thời gian và địa điểm tiếp nhận hồ sơ:

+ Thời gian: Theo giờ hành chính.

+ Địa điểm: Sở Giao thông vận tải, số 79 đường Bạch Đằng phường Trần Phú thành phố Hải Dương tỉnh Hải Dương.

+ Điện thoại liên hệ: 02203.82590.

b) Cách thức thực hiện thủ tục hành chính: Nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc gửi qua đường bưu chính.

c) Thành phần, số lượng bộ hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình thẩm định theo Mẫu số 06 Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP:

+ Thuyết minh thiết kế, các bản vẽ thiết kế, các tài liệu khảo sát liên quan;

+ Bản sao quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình kèm theo hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt hoặc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình;

+ Bản sao hồ sơ về điều kiện năng lực của các chủ nhiệm, chủ trì khảo sát, thiết kế xây dựng công trình; văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có);

+ Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư về sự phù hợp của hồ sơ thiết kế so với quy định hợp đồng;

+ Dự toán xây dựng công trình (đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách, dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d). Thời hạn giải quyết: Thời gian thẩm định được tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, như sau:

- Đối với công trình cấp II và cấp III: không quá 30 ngày.

- Đối với các công trình còn lại: không quá 20 ngày.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan, đơn vị phối hợp: Các Sở liên quan công tác thẩm định dự án: Sở Xây dựng, Tài chính, Công thương... và UBND cấp huyện có dự án đi qua (nếu cần).

g) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản về kết quả thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng được lập theo Mẫu số 07 Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

h) Phí và lệ phí: Phí thẩm định bằng chi phí xây dựng nhân với mức thu (mức thu tính theo tỷ lệ % được quy định tại Thông tư 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Tờ trình thẩm định thiết kế xây dựng (theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý để giải quyết thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 24/6/2014 của Quốc hội;



- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 sửa đổi một số điều Nghị định 59/2015/NĐ-CP.

- Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

- Thông tư 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng;

- Quyết định số 25/2017/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của UBND tỉnh Hải Dương Quy định phân cấp quản lý quy hoạch xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng, quản lý hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

**Mẫu số 06, Nghị định 59/2015/NĐ-CP**

**TÊN TỔ CHỨC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

-----

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: .....

....., ngày ... tháng .... năm .....

**TỜ TRÌNH**

**Thẩm định thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình**

Kính gửi: (Cơ quan thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

(Tên chủ đầu tư) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế (thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công) và dự toán xây dựng công trình

**I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH**

1. Tên công trình:
2. Cấp công trình:
3. Thuộc dự án: Theo quyết định đầu tư được phê duyệt
4. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ,...):
5. Địa điểm xây dựng:
6. Giá trị dự toán xây dựng công trình:
7. Nguồn vốn đầu tư:
8. Nhà thầu lập thiết kế và dự toán xây dựng:
9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
10. Các thông tin khác có liên quan:

**II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM**

1. Văn bản pháp lý:
  - Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình;
  - Hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt cùng dự án đầu tư xây dựng;
  - Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có);
  - Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
  - Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư;
  - Các văn bản khác có liên quan.
2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng;
- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;

- Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

### 3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;

- Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có);

- Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình.... với các nội dung nêu trên./.

#### *Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu:

#### **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng  
dấu)*

**Tên người đại diện**

## II. LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

**1. Thủ tục đăng ký thực hiện dự án đầu tư nạo vét theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước trên các tuyến đường thủy nội địa địa phương.**

a) Trình tự thực hiện:

- Nhà đầu tư nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải Hải Dương 01 bộ hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa rõ ràng, đầy đủ theo quy định thì trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giao thông vận tải phải có văn bản trả lời nhà đầu tư;

- Chậm nhất 10 ngày làm việc (đối với dự án do nhà đầu tư đề xuất nằm trong danh mục dự án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và công bố) và 15 ngày (đối với dự án do nhà đầu tư đề xuất nằm ngoài danh mục dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và công bố) kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Sở Giao thông vận tải báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ đề xuất thực hiện dự án theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư 69/2015/TT-BGTVT của Bộ GTVT gửi UBND tỉnh xem xét, chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án.

- Thời gian và địa điểm tiếp nhận hồ sơ:

+ Thời gian: Theo giờ hành chính.

+ Địa điểm: tại Sở Giao thông vận tải (Số 79, đường Bạch Đằng, phường Trần Phú, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương).

+ Điện thoại liên hệ: 02203.852590.

b) Cách thức thực hiện: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính.

c) Thành phần, số lượng bộ hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đăng ký thực hiện dự án theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư 69/2015/TT-BGTVT của Bộ GTVT.

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp đồng liên danh (đối với nhà đầu tư liên danh);

+ Báo cáo tài chính 02 năm liền kề gần nhất được cơ quan có thẩm quyền xác nhận (cơ quan kiểm toán hoặc cơ quan thuế);

+ Báo cáo về năng lực thực hiện dự án tương tự của nhà đầu tư (nếu có);

+ Báo cáo về năng lực nhân sự của nhà đầu tư, năng lực kỹ thuật (máy móc, phương tiện, thiết bị);

+ Văn bản cam kết vốn thực hiện dự án.

*(Trường hợp nhà đầu tư tham gia với tư cách nhà đầu tư liên danh: Đại diện liên danh lập hồ sơ năng lực từng thành viên trong liên danh theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư 69/2015/TT-BGTVT của Bộ GTVT).*

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ;

d) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp dự án do nhà đầu tư đề xuất nằm trong danh mục dự án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và công bố: 10 ngày làm việc.

- Trường hợp dự án do nhà đầu tư đề xuất nằm ngoài danh mục dự án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và công bố: 15 ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà đầu tư hoặc thành viên đứng đầu liên danh (đối với trường hợp Nhà đầu tư liên danh) thực hiện dự án đầu tư nạo vét theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước trên các tuyến đường thủy nội địa địa phương.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính.

- Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ đề xuất theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư 69/2015/TT-BGTVT của Bộ GTVT;

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có): Văn bản đăng ký thực hiện dự án theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư 69/2015/TT-BGTVT của Bộ GTVT.

k) Các yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không

l) Căn cứ pháp lý để giải quyết thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17/6/2014;

- Thông tư số 69/2015/TT-BGTVT ngày 09 tháng 11 năm 2015 của Bộ GTVT Quy định về nạo vét luồng đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa kết hợp tận thu sản phẩm.

## PHỤ LỤC 1

### VĂN BẢN ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 69/2015/TT-BGTVT ngày 09 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

Số: /.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

V/v: Đăng ký thực hiện  
dự án....

Kính gửi: Sở GTVT Hải Dương

.....(1).....

.....(2).....

...../.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu:

**NHÀ ĐẦU TƯ**  
(Chữ ký, dấu)  
**Họ và tên**

**Ghi chú:**

(1) Nội dung văn bản khái quát thông tin của nhà đầu tư (tên nhà đầu tư, chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, địa chỉ, số điện thoại...);

(2) Khái quát dự án: sự cần thiết, tên dự án, vị trí, địa điểm, phạm vi, hình thức thực hiện, thời gian dự kiến thực hiện và các nội dung khác liên quan.

**2. Thủ tục thẩm định hồ sơ đề xuất thực hiện dự án đầu tư nạo vét theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước trên các tuyến đường thủy nội địa địa phương.**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Trong thời hạn 60 ngày, kể từ khi có văn bản chấp thuận thực hiện dự án, nhà đầu tư có trách nhiệm tiến hành khảo sát, lập và gửi 01 bộ hồ sơ đề xuất thực hiện dự án tới Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ được gửi qua đường bưu chính, nộp trực tiếp.

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa rõ ràng, đầy đủ theo quy định thì trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giao thông vận tải phải có văn bản hướng dẫn nhà đầu tư;

- Chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thẩm định, phê duyệt hồ sơ đề xuất thực hiện dự án của nhà đầu tư theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư 69/2015/TT-BGTVT của Bộ GTVT. Trường hợp không phê duyệt, có văn bản trả lời nhà đầu tư.

- Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Sở Giao thông vận tải.

- Thời gian và địa điểm tiếp nhận hồ sơ:

+ Thời gian: Theo giờ hành chính.

+ Địa điểm: Tại Sở Giao thông vận tải (Số 79, đường Bạch Đằng, phường Trần Phú, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương).

+ Điện thoại liên hệ: 02203.852590.

b) Cách thức thực hiện: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính.

c) Thành phần, số lượng bộ hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị phê duyệt hồ sơ đề xuất thực hiện dự án.

+ Báo cáo thuyết minh đề xuất thực hiện dự án với những nội dung chính sau đây:

\* Phân tích sự cần thiết, lợi thế trong việc thực hiện dự án nạo vét theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm so với các hình thức đầu tư khác; các điều kiện thuận lợi, khó khăn; mục đích sử dụng sản phẩm tận thu được trong quá trình nạo vét;

\* Xác định địa điểm, quy mô, phạm vi thi công; xác định khối lượng nạo vét theo chuẩn tắc thiết kế đã được công bố hoặc phân tích, đề xuất thông số kỹ thuật, chuẩn tắc thi công; dự kiến khối lượng đăng ký tận thu, phương án tập kết sản phẩm tận thu và vị trí đổ thải đối với sản phẩm nạo vét không tận thu;

\* Biện pháp thi công, trình tự thi công, kế hoạch và tiến độ thi công; biện pháp kiểm tra, giám sát chất lượng và tiến độ thực hiện, phương thức chuyển giao và tiếp nhận công trình sau khi hoàn thành;

\* Phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa, an toàn lao động, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ theo quy định của pháp luật;

\* Phân tích phương án tài chính của dự án gồm những nội dung: tổng mức đầu tư dự án, cơ cấu nguồn vốn, phương án huy động nhân lực, phương tiện, thiết bị; các khoản chi; nguồn thu, giá, phí; thời gian thu hồi vốn, lợi nhuận;

\* Thời gian và tiến độ thực hiện dự án.

+ Báo cáo kết quả khảo sát địa hình, địa chất.

+ Bản vẽ thiết kế: bản vẽ tổng mặt bằng (bình đồ khảo sát địa hình, tuyến luồng hoặc khu nước, vùng nước; vị trí tập kết phương tiện, vị trí tập kết sản phẩm nạo vét...); bản vẽ mặt bằng phạm vi khu vực nạo vét; bản vẽ chi tiết mặt cắt nạo vét; tọa độ mép luồng hoặc vùng nước trước cảng, bến tại mặt cắt và các bản vẽ khác có liên quan.

+ Văn bản cam kết thực hiện dự án bao gồm: cam kết bố trí nhân lực, thiết bị đảm bảo tiến độ, chất lượng dự án và giải quyết khắc phục hậu quả nếu thực hiện dự án không đúng theo quy định; cam kết không gây sạt lở hai bên bờ sông khu vực thực hiện dự án; cam kết khắc phục mọi hậu quả do ảnh hưởng của dự án gây ra (nếu có) và cải tạo môi trường.

+ Báo cáo thẩm tra dự án (đối với dự án có khối lượng nạo vét từ 300.000 m<sup>3</sup> trở lên).

+ Các tài liệu khác cần thiết cho việc giải trình hồ sơ đề xuất thực hiện dự án (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ;

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà đầu tư thực hiện đầu tư nạo vét theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước trên các tuyến đường thủy nội địa địa phương.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính.

- Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt hồ sơ đề xuất theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư 69/2015/TT-BGTVT của Bộ GTVT;

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có): Không

k) Các yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không



1) Căn cứ pháp lý để giải quyết thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17/6/2014;

- Thông tư số 69/2015/TT-BGTVT ngày 09 tháng 11 năm 2015 của Bộ GTVT Quy định về nạo vét luồng đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa kết hợp tận thu sản phẩm.

**3. Thủ tục chấp thuận đơn vị tư vấn giám sát dự án thực hiện đầu tư nạo vét theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước trên các tuyến đường thủy nội địa địa phương.**

a) Trình tự thực hiện:

- Nhà đầu tư gửi hồ sơ năng lực của đơn vị tư vấn giám sát đủ điều kiện qua đường bưu chính, nộp trực tiếp đến Sở Giao thông vận tải.

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa rõ ràng, đầy đủ theo quy định thì trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giao thông vận tải phải có văn bản hướng dẫn nhà đầu tư;

- Chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận. Trường hợp không chấp thuận đơn vị tư vấn giám sát, Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

- Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Sở Giao thông vận tải.

- Thời gian và địa điểm tiếp nhận hồ sơ:

+ Thời gian: Theo giờ hành chính.

+ Địa điểm: Tại Sở Giao thông vận tải (Số 79, đường Bạch Đằng, phường Trần Phú, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương).

+ Điện thoại liên hệ: 02203.852590.

b) Cách thức thực hiện: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính.

c) Thành phần, số lượng bộ hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đăng ký thực hiện chức năng giám sát dự án;

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, chứng chỉ hành nghề;

+ Báo cáo tài chính;

+ Các thiết bị, máy móc phục vụ giám sát (nếu có);

+ Năng lực nhân sự;

+ Hợp đồng tham gia giám sát dự án, công trình tương tự.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ;

- d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc.
- đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà đầu tư thực hiện đầu tư nạo vét theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước trên các tuyến đường thủy nội địa địa phương.
- e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính.
- Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải
  - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải
- g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản hành chính;
- h) Phí, lệ phí: Không.
- i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có): Không
- k) Các yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không
- l) Căn cứ pháp lý để giải quyết thủ tục hành chính:
- Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17/6/2014;
  - Thông tư số 69/2015/TT-BGTVT ngày 09 tháng 11 năm 2015 của Bộ GTVT Quy định về nạo vét luồng đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa kết hợp tận thu sản phẩm.